

Số: 08 /QĐ-THADS

Vĩnh Long, ngày 13 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026

TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 496/QĐ-BTP ngày 31/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp Ban hành quy định phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, mua sắm hàng hóa, dịch vụ đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin và đầu tư công của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 1933/QĐ-BTP ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tư pháp về việc thành lập Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ Quyết định số 3751/QĐ-BTP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 cho Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ Thông báo số 2891/CQLTHADS-KHTC ngày 29/12/2025 của Cục Quản lý Thi hành án dân sự về việc thông báo hướng dẫn chi tiết dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026

Xét đề nghị của Phòng Tài chính kế toán Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. (theo biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính kế toán Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Trưởng THADS (để b/c);
- Phó trưởng THADS (để biết)
- Niêm yết tại cơ quan;
- Đăng tải công thông tin điện tử;
- Lưu VT^(TCKT)

KT. TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ
PHÓ TRƯỞNG THI HÀNH ÁN DÂN SỰ



Lê Thị Hải Yến





Biểu số 1 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: **Thị hành án Dân sự tỉnh Vĩnh Long**

Mã chương: 014

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG KHAI DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC ĐƯỢC GIAO

CỦA THI HÀNH ÁN DÂN SỰ TỈNH VĨNH LONG NĂM 2026

(Kèm theo Quyết định số 08/QĐ- THADS ngày 13 tháng 01 năm 2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long)

(Dùng cho đơn vị dự toán ngân sách cấp I/đơn vị dự toán ngân sách cấp trên)

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thị hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
1	2	3	4=5+6+...	5
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí			
I	Số thu phí, lệ phí	0	0	0
1	Lệ phí	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	
	Lệ phí...	0	0	
2	Phí	0	0	0
	Phí thi hành án	0	0	
	Phí ...	0	0	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	0	0	
I	Chi sự nghiệp.....			
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên			
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên			
2	Chi quản lý hành chính	0	0	0
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0	0	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	0	0	
c	Phí thi hành án nộp Tổng cục	0	0	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	0	0	
1	Lệ phí	0	0	0
	Lệ phí...	0	0	
	Lệ phí...	0	0	
2	Phí	0	0	0
	Phí thi hành án nộp ngân sách	0	0	
	Phí	0	0	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	69.725.170.000	69.725.170.000	69.725.170.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	69.725.170.000	69.725.170.000	69.725.170.000
1	Chi quản lý hành chính	69.725.170.000	69.725.170.000	69.725.170.000
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (giao dự toán đầu năm)	55.672.160.000	55.672.160.000	55.672.160.000
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	14.053.010.000	14.053.010.000	14.053.010.000
	Tạm ứng cưỡng chế	2.898.000.000	2.898.000.000	2.898.000.000
	Kinh phí thừa phát lại	54.640.000	54.640.000	54.640.000
	Bảo trì trụ sở	1.100.000.000	1.100.000.000	1.100.000.000
	Thuê kho vật chứng, trụ sở	740.900.000	740.900.000	740.900.000
	Kinh phí mua sắm tài sản chuyên dùng	710.000.000	710.000.000	710.000.000
	Chi đảm bảo cho công tác thu phí	4.789.300.000	4.789.300.000	4.789.300.000
	Quỹ tiền thưởng NĐ 73/2024/NĐ-CP	2.505.800.000	2.505.800.000	2.505.800.000



Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
	May trang phục	1.254.370.000	1.254.370.000	1.254.370.000
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	0	0	0
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	0	0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	0	0	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	0	0	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	0	0	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	0	0	
II	Nguồn vốn viện trợ	0	0	0
1	Chi quản lý hành chính	0	0	0
1.1	Dự án A	0	0	
1.2	Dự án B	0	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0
2.1	Dự án A	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0
3.1	Dự án A	0	0	
3.2	Dự án B	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0
4.1	Dự án A	0	0	
4.2	Dự án B	0	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0
5.1	Dự án A	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0
6.1	Dự án A	0	0	
6.2	Dự án B	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0
7.1	Dự án A	0	0	
7.2	Dự án B	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0
8.1	Dự án A	0	0	
8.2	Dự án B	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0
9.1	Dự án A	0	0	
9.2	Dự án B	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0
10.1	Dự án A	0	0	
10.2	Dự án B	0	0	
III	Nguồn vay nợ nước ngoài	0	0	
1	Chi quản lý hành chính	0	0	
1.1	Dự án A	0	0	
1.2	Dự án B	0	0	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	0	0	0
2.1	Dự án A	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	0	0	0
3.1	Dự án A	0	0	
3.2	Dự án B	0	0	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	0	0	0
4.1	Dự án A	0	0	
4.2	Dự án B	0	0	
5	Chi bảo đảm xã hội	0	0	0
5.1	Dự án A	0	0	
2.2	Dự án B	0	0	
6	Chi hoạt động kinh tế	0	0	0
6.1	Dự án A	0	0	
6.2	Dự án B	0	0	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	0	0	0
7.1	Dự án A	0	0	
7.2	Dự án B	0	0	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	0	0	0
8.1	Dự án A	0	0	
8.2	Dự án B	0	0	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	0	0	0
9.1	Dự án A	0	0	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long
9.2	Dự án B	0	0	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	0	0	0
10.1	Dự án A	0	0	
10.2	Dự án B	0	0	

